

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định một số nội dung về tổ chức, hoạt động
và trách nhiệm quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 277/TTr-SNV ngày 29 tháng 8 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định một số nội dung về tổ chức, hoạt động và trách nhiệm quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về tổ chức, hoạt động và trách nhiệm quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2025 và thay thế Quyết định số 2563/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định một số nội dung về tổ chức, hoạt động và trách nhiệm quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng; bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 5, điểm g khoản 1 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 10 Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp do UBND tỉnh quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các hội được thành lập hợp pháp hoạt động trên địa bàn thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- TTTU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- MTTQVN thành phố;
- Sở Tư pháp;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, PCVP Trần Văn Thiện;
- Công báo thành phố;
- Báo & PTTH HP, Cổng TTĐT TPHP;
- Phòng NV&KTGS;
- Lưu: VT, T.T.T.Linh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Châu



QUY ĐỊNH

Một số nội dung về tổ chức, hoạt động và trách nhiệm quản lý nhà nước
về hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 151 /2025/QĐ-UBND

ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về tổ chức, hoạt động của các hội và trách nhiệm quản lý nhà nước về hội của các cơ quan, địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ngành thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các hội quần chúng được thành lập hợp pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Những nội dung liên quan không được nêu trong quy định này thì thực hiện theo quy định hiện hành về tổ chức, hoạt động và quản lý hội của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi hoạt động

Hội trên địa bàn thành phố bao gồm:

- Hội hoạt động trong phạm vi thành phố.
- Hội hoạt động trong phạm vi xã, phường, đặc khu.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỘI

Điều 3. Một số nguyên tắc thành lập, quản lý hội

1. Ngoài các quy định chung của pháp luật, việc thành lập hội phải thực sự cần thiết phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn thành phố.

2. Hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó. Không nhất thiết phải có tổ chức hội tương ứng ở các cấp địa phương.

3. Không thành lập hội đối với những sở thích, ngành, nghề, mà pháp luật cấm hoặc khuyến cáo hoặc không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, văn hóa truyền thống dân tộc; có tính chất nhạy cảm về chính trị, văn hóa - xã hội.

Điều 4. Ban vận động thành lập hội

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này quyết định công nhận ban vận động thành lập hội.

2. Hồ sơ, thủ tục và các nội dung khác có liên quan đến ban vận động thành lập hội thực hiện theo Điều 11, Điều 12 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Điều 5. Hồ sơ, thủ tục thành lập hội

1. Sau khi nhận đầy đủ và hợp pháp theo quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này lấy ý kiến các cơ quan có liên quan đến hoạt động của hội, quyết định cho phép thành lập hội thuộc phạm vi quản lý; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Hồ sơ đề nghị thành lập hội và thời gian thực hiện theo Điều 13 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

Điều 6. Thời gian đại hội thành lập và tổ chức đại hội

1. Sau khi có Quyết định cho phép thành lập hội, hội phải tổ chức Đại hội thành lập. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này cho phép gia hạn thời gian tổ chức đại hội thành lập, thu hồi quyết định cho phép thành lập. Hồ sơ, thủ tục và thời gian thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của hội là đại hội. Đại hội được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này có ý kiến cho phép tổ chức đại hội bằng văn bản. Hồ sơ, thủ tục và các nội dung khác có liên quan đến việc tổ chức đại hội thực hiện theo Điều 19, Điều 20 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

Điều 7. Báo cáo kết quả đại hội, phê duyệt điều lệ hội

1. Sau khi nhận đầy đủ và hợp pháp theo quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này quyết định phê duyệt điều lệ hội với điều kiện hội hoàn thiện dự thảo điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật theo ý kiến của các cơ quan liên quan đến lĩnh vực hội hoạt động. Trường hợp nội dung điều lệ hội trái với quy định của pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ chối phê duyệt và yêu cầu, hướng dẫn hội hoàn thiện điều lệ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Thời gian báo cáo, hồ sơ báo cáo kết quả đại hội thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

2. Điều lệ của hội có hiệu lực thi hành kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này quyết định phê duyệt. 

3. Sau khi hội báo cáo kết quả đại hội đầy đủ, hợp pháp theo quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này ra văn bản thông báo việc tổ chức đại hội của hội đã đảm bảo theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

4. Hồ sơ, thủ tục và các nội dung khác có liên quan thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

Điều 8. Các tổ chức thuộc hội

1. Đối với tổ chức có tư cách pháp nhân:

a) Trước khi gửi hồ sơ thành lập đến cơ quan có thẩm quyền, hội có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này tương ứng với phạm vi hoạt động của hội. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân, Hội báo cáo việc thành lập với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này tương ứng với phạm vi hoạt động của hội để theo dõi. Thời gian phải báo cáo thực hiện theo khoản 4 Điều 25 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

b) Trường hợp tổ chức có tư cách pháp nhân hoạt động vi phạm pháp luật, không phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này có quyền yêu cầu hội ra quyết định giải thể và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động và thu hồi con dấu của tổ chức này.

c) Khi hội có quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này thì các tổ chức thuộc hội đương nhiên chấm dứt hoạt động, thực hiện giải thể theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

2. Hồ sơ, thủ tục và các tổ chức khác có liên quan đến các tổ chức thuộc hội thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

Điều 9. Cán bộ, công chức, viên chức tham gia hội

1. Cán bộ khi còn đang công tác thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khi đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu (trừ trường hợp đã thôi giữ chức vụ hoặc được điều động, bố trí công tác khác không thuộc diện Ban Bí thư, Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) khi tham gia người đứng đầu hội (không bao gồm trưởng ban vận động thành lập hội) phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của thành phố.

2. Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác, khi tham gia Ban vận động thành lập hội, Ban chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội phải có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, sử dụng theo phân cấp quản lý cán bộ của thành phố.

Điều 10. Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ, cho phép tổ chức đại hội; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi xã, phường, đặc khu.

Điều 11. Nghĩa vụ, trách nhiệm của hội

1. Hội thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 21, 22 Điều 24 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

2. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch, tổng thư ký, thành viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung điều lệ, hội phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của hội.

3. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của hội và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

4. Hàng năm, hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của hội và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 31 tháng 12. Báo cáo định kỳ hàng năm được thực hiện theo Mẫu số 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

5. Việc sử dụng kinh phí của hội phải chấp hành quy định của pháp luật và điều lệ hội đảm bảo công khai, minh bạch; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Hàng năm, hội báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này tương ứng với phạm vi hoạt động của hội. Chịu sự kiểm tra về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội.

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này xem xét, đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với hội thuộc phạm vi quản lý khi phát hiện hội vi phạm một trong các quy định tại các điểm: a, b, c, đ, g, h khoản 1 Điều 30 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP hoặc một trong những vi phạm sau:

a) Không báo cáo kết quả đại hội theo quy định hoặc không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động, báo cáo tài chính hàng năm và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này có văn bản đôn đốc nhưng quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đôn đốc hội vẫn không khắc phục;

b) Quá 60 ngày làm việc mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này có văn bản yêu cầu hội thực hiện một trong những nghĩa vụ, trách nhiệm quy định tại khoản 3, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 18, khoản 19, khoản 20, khoản 21 Điều 24 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP mà hội không thực hiện.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này xem xét quyết định giải thể hội thuộc phạm vi quản lý khi vi phạm một trong các trường hợp tại các điểm a, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 30 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP hoặc trong trường hợp hội tự tổ chức đại hội khi chưa có ý kiến cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này.

Điều 13. Đổi tên hội

1. Hội phải sửa đổi điều lệ hội theo tên mới. Việc đổi tên của hội có hiệu lực sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này ban hành quyết định cho phép đổi tên và phê duyệt điều lệ hội.

2. Nội dung đổi tên hội và tên mới của hội thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 31 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

Điều 14. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội

1. Tùy theo yêu cầu và khả năng hoạt động của hội, ban chấp hành hội đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này cho phép chia, tách, sáp nhập, hợp nhất. Các hội được chia, được sáp nhập, hợp nhất (trừ trường hợp tách hội) chấm dứt tồn tại sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này cho phép chia, sáp nhập, hợp nhất hội. Các quyền và nghĩa vụ của hội chia, sáp nhập, hợp nhất được chuyển giao cho các hội mới. Đối với trường hợp tách hội, thì hội tách và hội mới do tách hội phải cùng nhau chịu trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ của hội trước khi tách.

2. Hồ sơ, thủ tục chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 32 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

3. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể hội khi thay đổi địa giới hành chính:

a) Hội hoạt động trong phạm vi thành phố, xã, phường, đặc khu khi có sự thay đổi về địa giới hành chính do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; ban chấp hành

hội xem xét, quyết định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể cho phù hợp với đơn vị hành chính mới, gửi hồ sơ về cơ quan nhà nước có thẩm quyền của đơn vị hành chính mới theo quy định tại Điều 10 Quy định này. Tên của các hội do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất gắn với tên đơn vị hành chính mới.

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của đơn vị hành chính mới theo quy định tại Điều 10 Quy định này xem xét, quyết định cho phép việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể hội. Hồ sơ, thủ tục thực hiện theo khoản 4 Điều 32 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

4. Tổ chức đại hội, phê duyệt điều lệ hội mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội:

a) Sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này, các hội mới phải tổ chức đại hội để thông qua các nội dung theo quy định.

b) Hội báo cáo kết quả đại hội theo quy định đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này để đề nghị phê duyệt điều lệ hội theo thẩm quyền.

c) Hồ sơ, thủ tục tổ chức đại hội và đề nghị phê duyệt điều lệ thực hiện theo khoản 5 Điều 32 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

Điều 15. Đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với hội

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này xem xét đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với hội, cho phép hội hoạt động trở lại hoặc giải thể hội.

2. Hồ sơ, thủ tục đình chỉ, cho phép hoạt động trở lại hoặc giải thể hội thực hiện theo Điều 33 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

3. Khi xem xét đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 10 Quy định này có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến trước khi quyết định theo quy định.

Điều 16. Hội tự giải thể

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này quyết định giải thể hội theo đề nghị của hội. Hồ sơ, thủ tục đề nghị tự giải thể thực hiện theo Điều 34 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

Điều 17. Hội bị giải thể

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này quyết định giải thể hội khi có các vi phạm đến mức bị giải thể theo quy định. Hồ sơ, thủ tục bị giải thể thực hiện theo Điều 35 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

2. Khi thực hiện giải thể hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 10 Quy định này có trách nhiệm báo

cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến trước khi xem xét, quyết định giải thể hội theo quy định tại Điều này.

Điều 18. Giải quyết tài sản, tài chính khi hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể và thu hồi con dấu của hội

1. Khi hội bị giải thể: Đối với tài sản, tài chính tự có của hội và tài sản, tài chính của tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước tài trợ, viện trợ còn lại của hội do cơ quan thuộc cấp nào cho phép thành lập thì được nộp vào ngân sách cấp đó. Đối với tài sản do ngân sách nhà nước cấp hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (nếu có) hội thực hiện chuyển giao cho cơ quan tài chính cùng cấp tương ứng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này để thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Các nội dung khác thực hiện theo Điều 36 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

Điều 19. Cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho hội

1. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và cấp có thẩm quyền ở thành phố giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi thành phố, xã, phường, đặc khu theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và cấp có thẩm quyền ở xã giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi xã.

Điều 20. Quy trình hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ được giao (trừ các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ)

1. Đối với nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao

a) Căn cứ chủ trương giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền cho hội, hội xây dựng đề án hoặc kế hoạch triển khai (trong đó phải nêu chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phân ngân sách nhà nước hỗ trợ): Hội lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan tài chính, các cơ quan liên quan cùng cấp. Thời hạn trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

b) Sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan được lấy ý kiến, hội hoàn chỉnh đề án hoặc kế hoạch triển khai (kèm theo ý kiến của cơ quan được lấy ý kiến); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, ban hành quyết định giao nhiệm vụ cho hội theo phân cấp quản lý.

c) Căn cứ quyết định giao nhiệm vụ tại điểm b khoản này: Hội lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp đối với hỗ trợ từ chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; hỗ trợ chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Đối với nhiệm vụ được bố trí từ kinh phí thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia đó.

3. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

4. Đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 23 Quy định này.

Chương III

MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CÁC HỘI DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ

Điều 21. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi thành phố, xã, phường, đặc khu do Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền ở thành phố trên cơ sở các hội đã được giao biên chế, cấp hoặc hỗ trợ về kinh phí, điều kiện hoạt động, được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thường xuyên, phù hợp với quy định của Đảng và điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của địa phương.

2. Hội chịu sự chỉ đạo, quản lý của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hội

1. Định kỳ 06 tháng, 01 năm và khi có yêu cầu gửi báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến các cấp có thẩm quyền theo quy định, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính hội hoạt động. Nội dung, hình thức, mẫu báo cáo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

2. Việc thay đổi trụ sở, mở văn phòng đại diện, thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội phải bảo đảm đúng quy định pháp luật và thông báo bằng văn bản đến cấp có thẩm quyền theo quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của hội.

3. Các nội dung khác thực hiện theo Điều 38 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

Điều 23. Quy trình giao nhiệm vụ và hỗ trợ kinh phí đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Căn cứ nội dung hỗ trợ kinh phí tại khoản 1, khoản 2 Điều 39 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Quy trình giao nhiệm vụ và hỗ trợ kinh phí

a) Đối với nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm của hội đã có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền được phân công theo dõi, chỉ đạo hội trong đó xác định rõ nhiệm vụ được ngân sách nhà nước hỗ trợ (chi tiết số lượng, 

khối lượng nhiệm vụ), hội lập dự toán gửi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổng hợp, gửi Sở Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

b) Đối với nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao cho hội nhưng chưa có trong chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm: Trường hợp cấp có thẩm quyền đã giao chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ, hội lập dự toán kinh phí gửi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổng hợp, gửi Sở Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. Trường hợp nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao chưa chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ; hội xây dựng đề án hoặc kế hoạch triển khai (trong đó nêu chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ), gửi lấy ý kiến cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực hoạt động chính, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan đến nhiệm vụ được giao. Sau khi có ý kiến của các cơ quan, hội tiếp thu, hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ quyết định. Căn cứ ý kiến của cấp có thẩm quyền, hội lập dự toán gửi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổng hợp, gửi Sở Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

c) Đối với nhiệm vụ theo điểm a, điểm b khoản này được hỗ trợ, sử dụng vốn đầu tư công thì hội thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

d) Đối với nhiệm vụ được bố trí từ kinh phí thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia đó.

Điều 24. Chế độ, chính sách đối với người làm việc tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

Chế độ, chính sách đối với người làm việc tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện theo Điều 40 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP và Quy định khác có liên quan.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các sở, ngành, địa phương, hội và tổ chức, công dân thi hành pháp luật về hội.

2. Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy định này.

3. Lấy ý kiến bằng văn bản các sở, ngành có liên quan đến hoạt động của hội khi tham mưu giải quyết các thủ tục về hội thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động của hội. ✓

5. Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về hội.

6. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và kiểm tra việc thực hiện điều lệ hội theo chức năng, nhiệm vụ của Sở Nội vụ.

7. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với hội, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động của hội theo quy định của pháp luật.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính của Sở và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức ở các tổ chức thuộc Sở theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

9. Cập nhật cơ sở dữ liệu hội hoạt động trên địa bàn thành phố.

10. Tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên hỗ trợ các hội hoạt động trong phạm vi thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Chủ trì và phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra tài chính, tài sản hội từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với hội hoạt động trong phạm vi thành phố.

3. Tham mưu cấp có thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ; kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cho phép thành lập, phê duyệt Điều lệ hội theo quy định của pháp luật.

4. Có ý kiến về đề án hoặc kế hoạch triển khai nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao đối với các hội hoạt động trong phạm vi thành phố.

Điều 27. Trách nhiệm của các Sở, ban ngành

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hội trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành theo quy định của pháp luật. Tổ chức lấy ý kiến của hội để hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

2. Có ý kiến bằng văn bản về các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở, ban, ngành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi giải quyết các thủ tục về hội quy định tại Điều 10 Quy định này; hướng dẫn, tạo điều kiện để hội tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường.

3. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho hội tham gia các hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành; hướng dẫn hội tham gia chương trình dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, cung cấp dịch vụ công, đào tạo, cấp

chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật; cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động cho các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội (nếu có) và quản lý chặt chẽ các tổ chức này theo quy định của pháp luật.

4. Lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này trước khi cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động cho tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội (trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định không yêu cầu thủ tục thành lập, chỉ cần thực hiện thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động, giấy phép hoạt động là có thể hình thành tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội và được phép hoạt động).

5. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với hội, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động của hội; Xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm (nếu có) liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của sở, ngành theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra hoạt động của hội thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước, trong đó bao gồm các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội do Sở, ngành cấp phép; xử lý, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động cho tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm (nếu có) theo quy định của pháp luật.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm có liên quan đến quyết định hành chính của sở, ngành và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức của đơn vị thuộc sở, ngành liên quan đến hội theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

8. Phối hợp với hội và các cơ quan có liên quan đề xuất cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho hội phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội và phù hợp với chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực hội hoạt động.

9. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo gửi Sở Nội vụ về tình hình hoạt động của hội thuộc sự quản lý chuyên ngành về lĩnh vực hoạt động chính của hội.

10. Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về hội hoạt động trong phạm vi thành phố.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm của Công an thành phố

Chịu trách nhiệm phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động vi phạm pháp luật của hội và thực hiện quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với hoạt động của hội; hướng dẫn thủ tục đăng ký mẫu con dấu của hội.

Điều 29. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về báo chí đối với các cơ quan báo, tạp chí thuộc hội được thành lập theo quy định của pháp luật về báo chí; có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo cơ quan báo chí thuộc hội theo quy định của Đảng và Nhà nước. ✓

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Ngoại vụ

Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Ngoại vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

1. Quản lý, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và điều lệ hội hoạt động trong phạm vi xã, phường, đặc khu.

2. Kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với hội hoạt động trong phạm vi xã, phường, đặc khu.

3. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng hội, tổ chức, cá nhân có thành tích theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức ở các tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu theo quy định của pháp luật.

5. Xem xét, quyết định giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi xã, phường, đặc khu phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội.

6. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội hoạt động trong phạm vi xã, phường, đặc khu.

7. Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý và phối hợp trong xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động trong phạm vi xã, phường, đặc khu.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các quy định dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, các hội kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ hoặc các Sở, ngành quản lý lĩnh vực hoạt động của hội để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo hoặc điều chỉnh cho phù hợp./. ✓